TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 177/2017/DSPT
Ngày: 04 – 12 – 2017.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Văn Hùng
- *Các Thẩm phán*: 1/ Ông Nguyễn Chế Linh
2/ Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Minh Trí, Cán bộ tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Lan - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 12 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2017/QĐPT- DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Chính sách Xã hội VN

Hội sở: Tòa nhà C, Khu bán đảo L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Minh Đ**,** Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lê Văn A**,** sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: NLQ, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng vay vốn số 6000005300098415 ngày 14.11.2008 ký kết giữa ông Lê Văn A và Ngân hàng Chính sách Xã hội VN vay số tiền là

8.000.000đ (tám triệu đồng), mục đích vay vốn là chi phí học tập học sinh sinh viên, lãi suất 0.65%, thời hạn vay 41 tháng, hạn trả nợ cuối là ngày 14/4/2012. Kéo dài thời hạn trả nợ thêm 12 tháng đến 14.4.2013 (sinh viên Lê Thị Hồng N) và hợp đồng số 6000005300086232 ngày 14.12.2008 ông Lê Văn A vay số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), mục đích vay vốn là chi phí học tập học sinh sinh viên, lãi suất 0.65%, thời hạn vay 64 tháng, hạn trả nợ cuối là ngày 14.4.2012. Kéo dài thời hạn trả nợ thêm 12 tháng đến 04.4.2015 (sinh viên Lê Thị Ngọc Đ).

Đến hạn trả nhưng ông Lê Văn A vẫn không trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng, mặc dù đã nhiều lần phía ngân hàng đôn đốc trả nợ. Do ông Lê Văn A đã vi phạm hợp đồng cố tình không trả nợ. Nay Ngân hàng Chính sách Xã hội VN khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn A hoàn trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh: Tổng cộng là 26.490.407 đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn bốn trăm linh bảy đồng) gồm tiền nợ gốc: 20.000.000 đồng; tiền nợ lãi: 6.490.407 đồng tạm tính đến ngày 15.6.2017.

Bị đơn ông Lê Văn A trình bày: Ông có vay vốn học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội VN cho con đi học tổng số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, con ra trường lại bị tai nạn không đi làm được nên không trả nợ được cho ngân hàng. Nay Ngân hàng Chính sách Xã hội VN yêu cầu ông trả tổng cộng là 26.490.407 đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn bốn trăm linh bảy đồng) gồm tiền nợ gốc và tiền nợ lãi, ông chỉ đồng ý trả tiền gốc 20.000.000 đồng, yêu cầu phía ngân hàng không tính lãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà không có vay tiền của Ngân hàng Chính sách Xã hội VN, ông Lê Văn A là người vay. NLQ yêu cầu phía ngân hàng không tính tiền lãi.

Vụ kiện được Tòa án nhân dân huyện P tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DSST ngày 05.7.2017 của Tòa án nhân dân huyện P đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 26.546.741 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi mốt đồng) gồm tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 6.546.741 đồng, tạm tính đến ngày 30.6.2017. Bị đơn tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng vay vốn số 6000005300098415 ngày 14.11.2008 và hợp đồng vay vốn số 6000005300086232 ngày 04.12.2008 đến khi trả dứt nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12.7.2017, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét miễn giám phần lãi và án phí. Với lý do: Con ông là Lê Thị Ngọc Đ bị tàn tật không lao động được, tài sản gia đình đã hết sạch vì lo điều trị cho con, người gây tai nạn cho con ông đã trốn mất biệt không bồi thường cho con ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định. Đối với kháng cáo của bị đơn hợp lệ về hình thức.

- Về nội dung:

. Án sơ thẩm không thụ lý xét xử yêu cầu độc lập của nguyên đơn nhưng khi tuyên án lại chấp nhận yêu cầu này là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

. Nguyên đơn không cung cấp chứng cứ đầy đủ vì sao có từ mã số: 00637SV.P00 ra 6000005300098415 và 0637SVP00B ra 6000005300086232.

. Hai hợp đồng vay nợ không đúng thời gian.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngân hàng Chính sách Xã hội VN có phát vay cho ông Lê Văn A, người thừa kế là NLQ với số tiền 20.000.000đ, mục đích vay để hai con của ông bà sử dụng vào việc học tập, đối tượng là sinh viên. Đến kỳ hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Không đồng ý với án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu xem xét miễn giảm phần lãi và án phí. Tại phiên tòa, ông Lê Văn A ủy quyền cho NLQ (vợ ông Lê Văn A – cũng là người thừa kế trong hợp đồng vay này). NLQ yêu cầu chỉ trả cho Ngân hàng 15.000.000đ vì bà đã trả cho Ngân hàng 5.800.000đ tiền lãi vào năm 2013.Thấy rằng yêu cầu kháng cáo này vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu của ông Lê Văn A nên Hội đồng xét xử không xem xét được. Vả lại NLQ không có chứng cứ gì thể hiện năm 2013 bà đã trả cho Ngân hàng 5.800.000đ, nguyên đơn không thừa nhận.

[2]. Tại phiên tòa NLQ còn nại ra các chữ ký trong phiếu chi không phải của ông Lê Văn A. Tòa án đã mời ông Lê Văn A lên bàn xét xử yêu cầu ông xem kỹ 5 phiếu chi của Ngân hàng mà ông Lê Văn A đã ký nhận tiền.

Ông Lê Văn A xem kỹ và thừa nhận đúng chữ ký và chữ viết của ông trong 5 phiếu chi này của Ngân hàng. Vậy số tiền mà ông Lê Văn A đã nhận là 20.000.000đ tiền vốn.

[3]. Về cách tính lãi: 0,5%/tháng hay 0,65%/tháng NLQ cho rằng 0,5%/tháng và bà chứng minh bằng cuốn "Sổ vay vốn (dùng cho hộ gia đình)" mang tên Lê Văn A mã số khách hàng 5330061375 và cho rằng vay từ năm 2009. Vì vậy án sơ thẩm và nguyên đơn tính lãi cho bị đơn từ năm 2008 là vượt thời gian 1 năm nhưng không trừ lại cho bà và còn tính chênh lệch từ mức lãi 0,5%/tháng lên 0,65%/tháng.

Thấy rằng "Sổ vay vốn" nêu trên có diễn giải cụ thể từ ngày 20.7.2009 là mang từ khế ước cũ sang, thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 14.10.2011 (số tiền 8.000.000đ); thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 10.10.2013 (số tiền 8.000.000đ); tiếp tục giải ngân từ ngày 11.11.2009 đến ngày 10.11.2011 là 4.000.000đ, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14.10.2013. Nếu bị đơn trả nợ đúng hạn thì mức lãi suất hàng tháng sẽ là 0,5%/tháng.

Tuy nhiên, bị đơn không trả nợ đúng hạn do vậy nguyên đơn lập bảng kê tính lãi của số nợ trong hạn (lãi 0,5%, lãi ngoài hạn 0,65%) là có căn cứ. NLQ không thể tự tính gộp chung 0,5%/tháng của cả hai số nợ trong hạn và ngoài hạn để cấn trừ là không chấp nhận được.

[4]. Đối với số hợp đồng tại sao có sự khác nhau? Tại phiên tòa, Ngân hàng đã có lý giải chứng minh cụ thể mặc dù có khác nhưng cùng một thời điểm và cùng số nợ gốc 20.000.000đ mà bị đơn thừa nhận ngay từ đầu chỉ yêu cầu xin lãi. Số khác nhau là do ngày 31.10.2013 Ngân hàng Chính sách Xã hội chuyển sang hệ thống giao dịch mới nên mã số cũ được gắn thêm mã số vay mới không có gì khác biệt, cũng không làm thay đổi số nợ gốc và thời gian tính lãi, cũng như mức lãi suất. Như vậy bị đơn thừa nhận nợ gốc, xin lãi và cũng không có chứng cứ gì mới để chứng minh là Ngân hàng tính lãi sai về thời gian vay và thời gian tính lãi, cũng như mức lãi suất cho nên nhận thấy ở giai đoạn kháng cáo bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đối với quan điểm đề nghị hủy án của Viện kiểm sát: Thấy rằng bị đơn thừa nhận số nợ gốc 20.000.000đ, không có căn cứ xem xét lại số tiền lãi xem

như lời thừa nhận của đương sự tại Tòa án phù hợp với yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn. Như vậy không cần phải hủy án. Nếu cho rằng mức lãi án sơ thẩm tính vượt thời gian theo yêu cầu khởi kiện ban đầu thì đến ngày hôm nay xét xử phúc thẩm và tiếp theo, bị đơn cũng phải chịu lãi đến khi trả dứt nợ nên chỉ cần rút kinh nghiệm.

Vì thế, Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

- Điều 35; 26; 39; Điều 273; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng ân sự;

- Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

- Bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc bị đơn ông Lê Văn A trả cho nguyên đơn số tiền 26.546.741 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi mốt đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc: 20.000.000 đồng;

+ Lãi: 6.546.741 đồng.

Số tiền trên tạm tính đến ngày 30.6.2017.

Bị đơn còn tiếp tục chịu lãi suất theo quy định, theo các hợp đồng vay vốn số 6000005300098415 ngày 14.11.2008 và hợp đồng vay vốn số 6000005300086232 ngày 04.12.2008 đến khi bị đơn trả dứt nợ.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn chịu 1.327.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

+ Nguyên đơn được nhận lại 612.500 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai đã nộp số AB/2013/004773 ngày 20.02.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AB/2013/004965 ngày 12.7.2017 thành án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này là phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Đặng Văn Hùng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND.TP. Cần Thơ;
- TA.ND.H.P;
- THA.H.P;
- Lưu.